

VÀI NÉT VỀ KINH TẾ LONG AN DƯỚI TRIỀU NGUYỄN (1802-1859)

Nguyễn Minh Đảo

Trường Trung học cơ sở Qui Đức

TÓM TẮT

Hiện nay, các công trình nghiên cứu về Long An chủ yếu là phong trào đấu tranh cách mạng còn Long An dưới triều Nguyễn đặc biệt là kinh tế chưa được các nhà nghiên cứu luận bàn. Thông qua khảo cứu, phân tích các nguồn tài liệu, bài báo phản ánh những nét cơ bản về tình hình kinh tế cũng như tái hiện diện mạo nền kinh tế Long An trong nửa đầu thế kỉ XIX. Dưới triều Nguyễn, kinh tế Long An có nhiều chuyển biến góp phần ổn định xã hội, đời sống cư dân được đảm bảo, tạo nguồn thu lớn cho nhà nước góp phần thúc đẩy kinh tế Nam Bộ phát triển. Song song đó, đã đặt ra cho chính quyền nơi đây những thách thức về công tác quản lý hành chính, kinh tế, trật tự trị an. Ở khía cạnh khác, bài viết có ý nghĩa thực tiễn trong việc nghiên cứu hoạch định các chính sách quản lý kinh tế Long An trong giai đoạn hiện nay. Đây là nguồn tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương Long An, góp phần làm phong phú nguồn tư liệu trong việc nghiên cứu về kinh tế Nam Bộ dưới triều Nguyễn.

Từ khóa: *Kinh tế Long An; Long An dưới triều Nguyễn; triều Nguyễn; Long An; kinh tế.*

Ngày nhận bài: 16/7/2020; Ngày hoàn thiện: 10/9/2020; Ngày đăng: 15/9/2020

OVERVIEW OF LONG AN'S ECONOMY UNDER THE NGUYEN DYNASTY (1802-1859)

Nguyen Minh Dao

Qui Duc Secondary School

ABSTRACT

Currently, researches on Long An are mainly revolutionary movements, but Long An under the Nguyen dynasty, especially economy, has not been extensively discussed by researchers. Through carrying out scientific research and analyzing documents, the paper presents the basic characteristics as well as reconstitutes Long An's economy in the first half of the nineteenth century. Under the Nguyen dynasty, Long An's economy significantly changed, making a notable contribution to stabilizing society, giving people secure and settled lives, generating considerable revenues for the State and developing Southern Vietnam's economy. In the meantime, it posed challenges for economic and administrative management and public order management to the authorities here. In other aspects, the paper is practically significant in researching and establishing policies on Long An's economic management in the current period. This is a reference to doing research and teaching history in Long An, making a substantial contribution to enriching documents on researching Southern Vietnam's economy under the Nguyen dynasty.

Keywords: *Long An's economy; Long An under the Nguyen dynasty; the Nguyen dynasty; Long An; economy.*

Received: 16/7/2020; Revised: 10/9/2020; Published: 15/9/2020

Email: minhdao26100811@gmail.com

1. Mở đầu

Từ đầu thế kỷ XVII, nhiều nông dân nghèo miền Trung đã rời bỏ quê cha đất tổ, lưu tán vào vùng Đồng Nai - Gia Định với hy vọng tạo dựng một cuộc sống mới ở một vùng đất nghe nói là dễ sống, và ở đó chế độ phong kiến hà khắc chưa với tới. Ngoài ra, còn có những người phiêu lưu, mạo hiểm, muốn tìm đất mới để thử thời vận, mong đạt được cuộc sống khá giả hơn. Từ vùng Bến Nghé - Gia Định, những lưu dân Việt mở rộng diện tích về vùng đất cao ở phía Tây (nay là huyện Đức Hoà) và vùng phía Nam nay là huyện Bến Lức và các xã Thạnh Đức, Nhựt Chánh, An Thạnh, Mỹ Yên, Long Hiệp, Thạnh Phú, Phước Lợi. Một bộ phận khác theo sông Rạch Cát xuống phía Nam, khai khẩn vùng đất hai bên bờ, chủ yếu là vùng nằm bên hữu ngạn, đất ít bị nhiễm mặn, có thể đào ao trữ nước ngọt. Một luồng lưu dân thứ hai đi bằng thuyền vào cửa Soài Rạp, đến định cư nơi vùng đất cao ở Cần Đức, Tân Trụ, Châu Thành và ven sông Thuận An (Vàm Cỏ Đông), sông Hưng Hoà (Vàm Cỏ Tây).

2. Vùng đất Long An buổi đầu khai phá

Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh tuân lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu vào kinh lược đất Gia Định. Ông lập đất Nông Nại thành phủ Gia Định, lập huyện Phước Long và huyện Tân Bình. Huyện Tân Bình có 4 tổng: Bình Dương, Tân Long, Phước Lộc và Thuận An. Trong 4 tổng thuộc huyện Tân Bình thì có hai tổng Phước Lộc và Thuận An thuộc Long An ngày nay. Hai tổng Phước Lộc và Thuận An nằm “trong lưu vực của sông Vàm Cỏ và sông Rạch Cát, đất đai phì nhiêu màu mỡ dễ canh tác, hệ thống giao thông đường thủy thuận lợi, có nguồn nước ngọt dồi dào nên đã thu hút nhiều người Việt đến đây khai phá, sinh sống” [1, tr. 116]. Dưới thời vua Gia Long, hai tổng Phước Lộc và Thuận An được nâng lên thành huyện. Về địa giới “hai huyện này có 4 tổng là tổng Phước Điền và tổng Lộc Thành của huyện Phước Lộc với 95 xã, thôn, phường, ấp, xóm và 2 tổng là Bình Cách và

Thuận Đạo của huyện Thuận An có 65 xã thôn, phường” [1, tr. 116]. Việc nâng Tổng thành Huyện phản ánh thành quả quá trình khẩn hoang của lớp cư dân nơi đây trên vùng đất mới. Và cũng chính lớp cư dân này đã góp phần thúc đẩy kinh tế Long An có bước chuyển mới dưới thời nhà Nguyễn.

3. Kinh tế Long An nửa đầu thế kỷ XIX

3.1. Nông nghiệp

Sau khi đánh bại nhà Tây Sơn khôi phục lại quyền thống trị của họ Nguyễn, với quan niệm “đạo trị nước, trước hết phải cho đủ ăn, nếu thóc nhiều của thừa thì việc gì chẳng nên” [2, tr.265] nhà Nguyễn đã tìm mọi cách tăng thêm diện tích canh tác nhằm làm cho “dân lạc nghiệp, mới có thực túc binh cường mà mở mang bảo vệ bờ cõi” [3, tr.133]. Do vậy nhà Nguyễn rất chú trọng vấn đề khẩn hoang, đặc biệt là ở Nam Bộ nơi có nhiều tiềm năng nhưng chưa được khai phá. Từ năm 1802 đến năm 1855, nhà Nguyễn đã ban hành tổng cộng có 25 quyết định về tổ chức khai hoang trong cả nước trong đó có 16 quyết định áp dụng ở Nam Bộ. Nhà Nguyễn khuyến khích việc khai phá đất hoang của nhân dân bằng cách dành cho những người đi khai hoang nhiều chính sách ưu đãi như “người nào không có điền sản thì đem ruộng hoang cấp cho và cho vay thóc giống, đợi thu hoạch xong sẽ y số trả lại nhà nước” [2, tr.482]. Ở Long An, năm 1819 vua Gia Long cho nạo vét lại kênh Vũng Cù vì “năm trước sông nhỏ Vũng Cù chảy đến quán Gai, sông nhỏ Mỹ Tho chảy đến chợ Phú Lương, quãng giữa hai sông ruộng đất Nam Bắc nối liền... Nhưng Đông Tây dài xa nhiều chỗ quanh co nhỏ hẹp, bùn cũ ứ đọng lâu ngày cạn lấp, thuyền không đi được. Đến nay mới nhân lối cũ mà đào sâu rộng thêm, hoặc khai kênh mới cho liền nhau, dài chừng 14 dặm, ngang 7 trượng 5 thước, sâu 9 thước). Từ đấy dòng sông thông cá, người đều được tiện lợi” [2, tr.983]. Với những chính sách tích cực, hợp lòng dân cùng sự cố gắng, tinh thần chịu khó cần cù trong lao động của lớp cư dân khẩn hoang nơi đây

đã góp phần chinh phục thêm những vùng đất mới góp phần tăng diện tích canh tác của Long An. Tổng số diện tích khai phá ở các tỉnh vào khoảng những năm đầu của thập niên 1850 được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Thống kê diện tích khai phá ở các tỉnh vào khoảng những năm đầu của thập niên 1850

Đơn vị tính: mẫu

Tỉnh	Diện tích khai phá
Biên Hòa	14.932
Gia Định	175.063
Định Tường	148.878
Vĩnh Long	139.932
An Giang	88.336
Hà Tiên	1.699
Biên Hòa	14.932

[Nguồn: 4, tr. 1639, 1675, 1706, 1731, 1753, 1780]

Cùng với việc mở rộng khai phá đất đai nhằm tăng diện tích canh tác thì hoạt động nông nghiệp cũng đa dạng, phong phú hơn. Trong nửa đầu thế kỉ XIX, lúa là loại cây trồng chủ yếu chiếm nhiều diện tích đất trong đó diện tích ruộng sơn điền là 24.212 mẫu 5 sào 13 thước 0 tấc và ruộng thảo điền là 110.675 mẫu 6 sào 8 thước 1 tấc. Bên cạnh trồng lúa, cư dân vùng đất Long An còn trồng các loại cây trái khác như trồng dâu với diện tích là 176 mẫu 0 sào 0 thước 3 tấc, khoai đậu với diện tích 61 mẫu 0 sào 13 thước 0 tấc, thổ viên có diện tích 137 mẫu 6 sào 10 thước 0 tấc và trồng nhiều loại nông sản nhằm cung ứng cho hoạt động thủ công nghiệp như cây vải, nuôi dâu tằm... Nhìn chung, diện tích gieo trồng lúa có tăng so với giai đoạn trước đó nhưng kỹ thuật canh tác lúa chủ yếu vẫn là sự đúc kết kinh nghiệm canh tác qua các thời kỳ, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên “cứ để tùy vào thiên thời cho được mất mà thôi” [4, tr.1672]. Sách Đại Nam nhất thống chí ghi thời vụ canh tác lúa trong tỉnh Gia Định (trong đó có Long An) lúc này “ruộng cao, tháng tư gieo mạ, tháng sáu cấy, tháng tám, tháng chín gặt; ruộng thấp, tháng năm tháng sáu gieo mạ, tháng bảy tháng tám cấy, tháng 11, tháng 12 gặt” [4, tr.1671]. Trong lĩnh vực trồng trọt hầu như người dân không sử dụng phân bón vì “đất mới khai thác còn

màu mỡ, ruộng chỉ nhờ vào dưỡng chất tự nhiên như phù sa, cỏ, rơm rạ được bỏ lại hoặc tro khi đốt cây cỏ khai hoang” [5, tr.193-194]. Về giống lúa, theo Trịnh Hoài Đức ghi chép lại nơi đây gieo trồng được các loại như “lúa tàu, lúa sá, móng tay, móng chim, mo cái, cà đồng, cà nhè, sè nhất, chàng cò; Lúa nếp thì có nếp hương bầu, nếp sáp, lại có thứ nếp đen, còn gọi là nếp than” [6, tr.513-514]. Bên cạnh lúa là cây trồng chính nơi đây còn trồng các loại cây khác thuộc loại đậu, khoai, dưa, rau, các loại cây ăn trái, các loại hoa, tre, gỗ... Qua đó, ta thấy kinh tế nông nghiệp Long An dưới thời nhà Nguyễn “khá đa dạng, phong phú, nhưng không vượt ra khỏi phương thức sản xuất cổ truyền để góp phần tạo nên tình trạng ổn định cho xã hội” [7, tr.42].

3.2. Thủ công nghiệp

Dưới thời nhà Nguyễn, thủ công nghiệp chia làm hai bộ phận “một bộ phận gắn chặt với nông nghiệp và nông thôn. Một bộ phận nữa có điều kiện và xu thế tách biệt được ra khỏi nông nghiệp. Nhà Nguyễn hồi đó chỉ quan tâm đến bộ phận thứ hai và ban cho nó cái tên là công nghệ đặt dưới sự quản lý của Công bộ” [8, tr.31]. Nếu nền nông nghiệp đảm bảo về lương thực, thực phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu ăn thì thủ công nghiệp “đảm bảo việc chế biến sản phẩm nông nghiệp thành lương thực, thực phẩm và tạo ra tất cả mọi vật phẩm tiêu dùng khác trong xã hội nhằm thỏa mãn các nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại, học hành... của người dân” [9, tr.129]. Như vậy, thủ công nghiệp có vai trò quan trọng không kém nông nghiệp và ở một khía cạnh nào đó thủ công nghiệp thậm chí còn quan trọng hơn cả nông nghiệp bởi lẽ “nếu không có thủ công nghiệp chế biến thì sản phẩm nông nghiệp không thể trực tiếp phục vụ nhu cầu của nhân dân được. Đó là chưa kể việc nông nghiệp phải có sản phẩm của thủ công nghiệp về các công cụ và phương thức canh tác thì mới tiến hành được” [8, tr.31]. Song, ngoài các sản phẩm thủ công nghiệp gắn với nông nghiệp và nông thôn như chế biến lương thực thực

phẩm, ép mía nấu đường, ép dầu phộng, làm bánh phồng, đồ ăn uống hằng ngày, đan lát, rèn đúc khí cụ nông nghiệp cũng như sửa chữa nó... còn các sản phẩm không phụ thuộc vào nông nghiệp như dệt vải sợi bông, sợi tơ tằm, làm đồ gốm, hoàng kim, đúc đồng, đóng thuyền, nghề mộc... các nghề thủ công ra đời trên cơ sở cải biến “*thổ sản, lâm sản vốn là những đặc sản từng vùng để tạo nên những sản phẩm mang một trình độ kỹ thuật, một đặc sản riêng của vùng mà nơi khác không có hoặc có nhưng không phổ biến*” [9, tr. 90]

Ở Nam Kỳ, theo sách *Gia Định thành thông chí* đầu thế kỉ XIX đã có mặt nhiều ngành nghề thủ công như mộc, tiện, dệt, làm lọng, thếp vàng, làm gạch ngói, làm than, đóng ghe, thuyền... một số nghề thủ công nghiệp phát triển nổi tiếng như “*gốm sứ Biên Hòa, Thủ Dầu Một, dệt Tân Châu, An Giang, than đước Cà Mau, nước mắm Phú Quốc...*” [8, tr. 40]. Nghề thủ công ở Nam Bộ phát triển nhanh và đa dạng về chủng loại mặt hàng trước hết là do nhu cầu đa dạng của cuộc sống, sự nhạy bén trong khai thác vật liệu có sẵn trong tự nhiên để trở thành vật dụng hằng ngày. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ lưu dân là thợ thủ công gốc miền Trung di cư vào Nam đứng trước nhu cầu lớn về vật dụng sinh hoạt hằng ngày, với vốn tay nghề họ biết tận dụng nguyên liệu có sẵn tại chỗ để sản xuất các mặt hàng thủ công; còn nguyên nhân khác là do thủ công nghiệp gắn liền với nhịp độ phát triển nhanh của nền nông nghiệp.

Ở Long An, người nông dân làm thủ công nghiệp là tận dụng thời gian lúc nhàn rỗi, thừa công hoặc có khi người thợ thủ công làm thêm việc đồng áng, họ chế biến vật liệu tại chỗ để dùng dư ra để buôn bán nhằm giải quyết nhu cầu chi tiêu trong các hộ gia đình ở nông thôn. Nằm cạnh thị trường lớn là Sài Gòn, Long An còn là cửa ngõ đi về đồng bằng sông Cửu Long trù phú nên các nghề thủ công ở đây có lợi thế để phát triển nhanh chóng với nhiều sản vật nổi tiếng như làm bao lác, than củi, dầu rái, đan chiếu lác, làm xuồng, ghe, nấu rượu nếp... Tuy nhiên, nền thủ công nghiệp ở Long An lúc

này chưa phát triển theo quy mô lớn, trình độ chuyên môn hóa chưa cao như các phường hội thủ công ở các tỉnh miền Bắc nhưng lúc này đã xuất hiện một số khu vực sản xuất tập trung một mặt hàng thủ công nhất định. Lúc này, những sản phẩm thủ công nghiệp làm ra không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng của địa phương Long An mà còn là nguồn hàng cung cấp cho thị trường Chợ Lớn và một số tỉnh lân cận Long An. Nói đến các ngành nghề thủ công, trước hết phải kể đến nghề đóng ghe, thuyền ở vùng Thủ Thừa, Cần Đước, nhờ nguồn nguyên liệu sẵn có như gỗ và dầu rái phong phú từ vùng rừng Quang Hóa đưa về nên đã sản xuất được nhiều loại ghe xuồng chất lượng tốt tạo sự tin nhiệm rộng rãi đối với thương lái trong miền. Bên cạnh nghề đóng ghe xuồng còn đội ngũ thợ mộc tay nghề cao, trạm khắc tinh xảo chuyên đóng các đồ gia dụng và xây nhà cửa bằng gỗ ở Long Sơn, Long Định, Cần Đước đã để lại nhiều công trình có giá trị trong các chùa lớn ở Sài Gòn - Chợ lớn như chùa Giác Lâm, chùa Giác Viên, chùa Nghĩa Nhuận... Mặt khác, những cư dân vùng Đức Hòa, Đức Huệ, Thủ Thừa, Bến Lức với nguồn nguyên liệu sẵn có, nhân công nhàn rỗi họ đã cung cấp ra thị trường lục tỉnh hàng chục vạn tấm đệm và bao bì dùng để đựng lương thực, thực phẩm. Bên cạnh đó, nghề chế tác gia công đồ trang sức bằng vàng, bạc ở chợ Phước Vân (nay thuộc huyện Cần Đước) với nhiều thợ có tay nghề điêu luyện, sản phẩm làm ra rất tinh xảo, thỏa mãn nhu cầu thị hiếu của nhiều khách hàng khó tính và được đưa lên tiêu thụ ở Chợ Lớn đôi khi bán sang tận Campuchia. Những công cụ nông nghiệp cầm tay hoặc những dao, rựa dùng hằng ngày được sản xuất ra ở các lò rèn vùng Thủ Thừa, Bến Lức có uy tín với khách hàng trong và ngoài tỉnh.

Nền thủ công nghiệp Long An dưới thời nhà Nguyễn đảm đương sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu sinh hoạt, cuộc sống của người dân trong tỉnh cũng như buôn bán trao đổi với các vùng lân cận. Qua đó, bước đầu mạnh mẽ cho sự tách khỏi nông nghiệp, nhiều ngành nghề thủ công tiến sát hơn với

thủ công tư bản. Tuy nhiên, về trình độ sản xuất thủ công nghiệp Long An còn thấp so với các tỉnh miền Bắc của nước ta, bởi lẽ thực tế cho thấy thủ công nghiệp phát triển do 3 yếu tố quyết định đó là thị trường, nguyên liệu và địa lý hay giao thông vận tải. Cùng với đó, nhà nước cũng giữ vai trò quan trọng trong việc ban hành các chính sách góp phần thúc đẩy hay kìm hãm nền thủ công nghiệp “*có thể lấy thái độ chính sách của nhà nước đối với thủ công nghiệp làm thước đo tính chất tiến bộ của nhà nước*” [8, tr.51].

3.3. Thương nghiệp

Bên cạnh nguồn lợi chính nông sản mà chủ yếu là lúa gạo, vùng Long An còn có các sản phẩm được làm ra từ nguồn lâm sản như ghe, xuồng, than củi, dầu rái, các loại thú rừng như hươu, nai, trâu rừng, ngựa rừng... và thủy sản như cá, tôm, cua, ốc... Qua đó cho thấy sản vật vùng nơi đây rất dồi dào và dư thừa khá lớn đòi hỏi phải cần có thị trường tiêu thụ. Nền sản xuất lúc này không chỉ đảm bảo đủ tiêu dùng ở Long An mà “*còn dồi dư ra với số lượng lớn, trở thành hàng hóa được tự do buôn bán trên thị trường*” [10, tr. 27]. Lúc này, một bộ phận cư dân tách ra làm thương nghiệp gọi chung là nghề thương hồ gồm những người có thuyền lớn, vốn nhiều đủ sức đầu tư buôn bán đường dài, những lái buôn chuyên nghề bán cá đồng, những người bán trên các ghe nhỏ ở bến thuyền, nơi ngã ba sông; cũng từ đó nghề buôn bán trên sông nước ở Long An được hình thành và phát triển. Bấy giờ, việc buôn bán có bước phát triển ở một số nơi như Rạch Kiến, Phước Lộc, Thuận An... Một bộ phận dân cư là những gia đình khá giả họ bắt đầu sắm ghe, thuyền lớn để đi vận chuyển thuê, hoặc buôn bán gạo, trái cây, tôm, cá, gia cầm, gia súc, than, củi, gỗ... Về vị trí, Long An với lợi thế nằm cạnh thị trấn buôn bán là Chợ Lớn cũng như nằm trên cửa ngõ thành phố đi về miền Tây - một vùng đất trù phú, sản vật dồi dào và đa dạng thị trường buôn bán, trao đổi hàng hóa trên đà phát triển. Các yếu tố trên đã góp phần thúc

đẩy nền thương nghiệp Long An phát triển nhanh chóng. Nền sản xuất hàng hóa phát triển, làm nảy sinh sự phân công xã hội mới, tầng lớp thương nhân xuất hiện ngày càng đông, thị tứ chợ búa mọc lên ngày càng nhiều trên các trục đường chính, tuyến giao thông thủy, bộ như chợ Phước Tứ, chợ Trường Bình, chợ Cai Tài, chợ Kỳ Sơn, chợ Vũng Gò... Sự phát triển của thương nghiệp trên sông nước giúp ta hiểu rõ hơn vì sao dưới triều Nguyễn trạm thuế Lật Giang (tức Bến Lức) lại có số thu lớn nhất trong các trạm thuế ở Nam Kỳ, gần gấp đôi trạm thu thuế Mỹ Tho, gấp 4 lần trạm thu thuế Long Hồ. Ở một khía cạnh khác cho ta thấy “*chính sách thuế khóa nặng nề và thể lệ kiểm soát nghiêm ngặt của nhà nước cũng gây những ảnh hưởng hạn chế đến sự phát triển về thương nghiệp*” [7, tr.46]. Lúc này Gạo thóc ở Long An và cả vùng Gia Định không chỉ tiêu thụ thị trường trong nước mà còn xuất sang cảng thị Đông Nam Á cùng với các loại lâm thổ sản khác “*Nguyễn Ánh còn thâu góp lúa gạo, cao khô chở nhiều chuyến đi Ma Cao, Phi - lip - pin, đảo Piăng đến các thị trấn ở bờ biển Ấn Độ để mua súng nhỏ, thuốc súng, chì, đinh, sắt*” [11, tr.56]. Nhìn chung, thương nghiệp dưới thời nhà Nguyễn có bước chuyển mới bởi sự phát triển của nông nghiệp và thủ công nghiệp đã góp phần đưa hàng hóa, sản phẩm làm ra của cư dân vùng đất Long An đến với người tiêu dùng trong và ngoài vùng Nam kỳ lục tỉnh.

4. Tác động của sự phát triển kinh tế đến chính trị, xã hội Long An nửa đầu thế kỷ XIX

Với chính sách phù hợp cùng sự cố gắng của lớp cư dân nơi đây đã góp phần thay đổi diện mạo kinh tế Long An. Kinh tế phát triển tác động đến các lĩnh vực khác trong đó có chính trị và xã hội dưới nhiều góc độ khác nhau.

- *Góp phần ổn định cuộc sống cư dân*: Nông nghiệp đảm bảo được cho người dân cuộc sống ấm no không lo thiếu lương thực, các mặt hàng tiêu dùng phong phú, đa dạng về chủng loại và chất lượng cuộc sống người dân được nâng lên.

- *Trật tự trị an được đảm bảo*: Khi cuộc sống cư dân nơi đây được đầy đủ, ám nọ người dân an cư lập nghiệp thì sẽ không còn các trường hợp trộm cắp, ăn cướp, nhân dân nổi loạn...

- *Tạo nguồn thu lớn cho nhà nước*: Kinh tế phát triển đồng nghĩa với việc nhân dân phải đóng thuế nhiều cho nhà nước. Cụ thể, diện tích đất canh tác tăng thì nhân dân phải nộp thuế nhiều, thương nghiệp phát triển nhà nước thu thuế cả trên bộ lẫn đường thủy mà trạm thu thuế Lật Giang (Bến Lức) là một ví dụ điển hình.

Bên cạnh các tác động tích cực trên, thì cũng đặt ra cho chính quyền nơi đây nhiều thách thức mới:

- *Công tác quản lý*: Diện tích khai hoang tăng đồng nghĩa với việc chính quyền sở tại phải quản lý một lượng lớn ruộng đất cũng như công tác đo đạc, thu thuế, chuyển nhượng, thừa kế về đất đai... Bên cạnh đó, công tác quản lý nhân khẩu, bắt lính cũng là một thách thức với chính quyền sở tại.

- *Công tác cán bộ*: Dân số tăng, diện tích đất canh tác ngày càng nhiều, nhu cầu tách huyện, nâng tổng thành huyện là tất nhiên. Do vậy, việc chia tách các đơn vị hành chính đồng nghĩa với việc phải bố trí bổ nhiệm thêm, tăng biên chế đội ngũ quan lại. Đồng thời phải bố trí đội ngũ quan lại có kinh nghiệm trong việc quản lý trật tự trị an cũng như am hiểu tình hình địa phương mình quản lý từ đó đề ra các chính sách phù hợp góp phần thúc đẩy nền kinh tế tiếp tục phát triển.

5. Kết luận

Nhìn một cách tổng quan, nền kinh tế Long An dưới thời nhà Nguyễn có nhiều chuyển biến. Nông nghiệp đảm bảo được vai trò của một nền sản xuất lúc bấy giờ không chỉ đáp ứng yêu cầu về lương thực thực phẩm cho nhân dân trong tỉnh mà còn xuất bán cho các tỉnh khác trong vùng. Song song đó, thủ công nghiệp sản xuất ra các mặt hàng cần thiết phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của lớp cư

dân lúc này cũng như trong vùng Nam kỳ lục tỉnh. Nguồn lúa gạo dồi dào và các mặt hàng thủ công nghiệp đa dạng về mặt hàng, chủng loại phong phú, chất lượng đảm bảo đã góp phần thúc đẩy việc buôn bán trao đổi hàng hóa giữa Long An với các địa phương khác trong vùng ngày càng lớn với sự ra đời của tầng lớp thương hồ. Nền kinh tế Long An phát triển góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của nền kinh tế Nam kỳ lục tỉnh thời bấy giờ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. M. D. Nguyen, "Long An Border from the first half of the nineteenth century to 1859," *TNU Journal of Science & Technology*, vol. 205, no. 12, pp. 109-116, 2019.
- [2]. National Historiographer's Office of the Nguyen dynasty, *Dai Nam politics*, vol. 1. Vietnam Education Publishing House Limited Company, 2002.
- [3]. K. U. Mai, *Agricultural encouragement policy under the reign of Emperor Minh Mang*. Vietnam Culture and Information Publishing House, Hanoi, 1996.
- [4]. National Historiographer's Office of the Nguyen dynasty, *Nguyen dynasty national atlas*, vol. 2. Lao Dong Publishing House, 2012.
- [5]. T. T. L. Tran, *Land ownership and cultivation in Southern Vietnam in the first half of the nineteenth century*. Ho Chi Minh City General Publishing House, Ho Chi Minh City, 1994.
- [6]. H. D. Trinh, *General chronicle of Gia Dinh Citadel*, translated by Pham Hoang Quan. Ho Chi Minh City General Publishing House, 2019.
- [7]. C. B. Huynh, *Nguyen Dynasty's Education & Confucian examination system (1802-1919)*. Thuan Hoa Publishing House, Hue, 2018.
- [8]. H. P. Vu, *Vietnam's handicraft industry 1858 - 1945*. Social Science Publishing House, 1996.
- [9]. H. T. Bui, and H. P. Vu, *Vietnam's industrial Economy and Technological Development under the Nguyen Dynasty*. Thuan Hoa Publishing House, Hue, 1998.
- [10]. P. H. Nguyen, and T. T. H. Tran, "Agricultural products in South Vietnam during the seventeenth and eighteenth centuries," *Journal of Historical Studies*, no. 9, pp. 26-33, 2010.
- [11]. S. Nam, *Old Gia Dinh Land*. Ho Chi Minh City General Publishing House, 1984.